TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 01 - 2024
V/v " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Tòng
2. Ông: Lê Thế Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Thị Hải Vân - Thư ký Tòa án nhân dân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tham gia phiên tòa: ông Lâm Ngọc Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn Đ – Sinh năm: 1981 – Có mặt
- *Bị đơn:* Chị Lê Thị H – Sinh năm: 1983 – Vắng mặt

Đều có HKTT: TDP Hồng Ph 1, phường Hải N, thị xã Nghi S, tỉnh Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa anh Lê Văn Đ trình bày như sau: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hải N, thị xã Nghi S vào ngày 29/05/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Năm 2018, anh đã làm đơn đến Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn) để giải quyết ly hôn nhưng sau đó anh đã rút đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Kể từ thời điểm rút đơn đến nay, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, mỗi người ở một nơi ai

lo bộn phận người đó. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hằng.

Về con chung: Anh Đ và chị H không có con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về quan điểm của chị Lê Thị H: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Lê Thị H nhiều lần nhưng chị H cố tình không chấp hành. Đã tự mình từ chối quyền và nghĩa vụ theo tố tụng nên không thể làm việc với chị Lê Thị H được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Văn Đức. Về hôn nhân: Xử cho anh Đ được ly hôn với chị H. Về con chung và về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Buộc anh Đức phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lê Thị H là tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn hiện đang cư trú trên địa bàn thị xã Nghi Sơn nên TAND Thị xã Nghi Sơn có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự nhưng tại phiên tòa vắng mặt chị Lê Thị H không có lý do vì vậy HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS xử vắng mặt chị Lê Thị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đức xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do chị H cố tình trốn tránh nên Tòa án không thể làm việc được Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện anh Đ và chị H kết hôn hợp pháp, anh chị đã sống ly

thân từ năm 2018 cho đến nay. Hiện tại, anh Đ vẫn sống cùng nhà với bố mẹ đẻ còn chị H đi đâu thì địa phương không rõ. Về nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã làm việc với ông Lê Duy Tr là bố đẻ của chị H. Ông Tr cho biết, sau khi kết hôn vợ chồng anh Đ và chị H sống chung nhà với bố mẹ đẻ anh Đ, trong cuộc sống anh Đ thường xuyên đánh đập chị H, gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Đến tháng 11/2022 chị H bỏ nhà đi không quay trở về nhà chồng nữa. Nay anh Đ làm đơn ly hôn, chị H có nói với bố là con cũng đồng ý ly hôn nhưng con không về. Về các giấy tờ tố tụng Toà án chuyển đến ông đều giao lại cho chị H, chị H biết rõ việc Toà án đã giải quyết việc ly hôn của chị và anh Đ nhưng không đến Toà án để giải quyết. Trên cơ sở lời khai của anh Đ, xác minh tại chính quyền địa phương và quá trình làm việc với ông Tr là bố đẻ của chị H, HĐXX xác định cuộc sống vợ chồng anh Đ và chị H không hạnh phúc, trong cuộc sống xảy ra mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng anh chị đang sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật HN&GĐ xử cho anh Đ được ly hôn đối với chị H.

[3] Về con chung: Không có con chung

[4] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc anh Đức phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Văn Đ.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Văn Đ được ly hôn với chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Không có con chung

3. Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Buộc anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012601, ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Anh Đ đã thi hành xong phần án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Đ, vắng mặt chị H. Anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- CC.THA-DS thị xã Nghi Sơn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã phường Hải N, TX. Nghi S, Thanh H
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Cúc